

Vũ Tường

Lời dẫn - Từ giải phóng đến giải giáp, giải độc và giải hoà: Phong trào dân tộc mới ở châu Á

Có cần phải chứng minh rằng chủ nghĩa dân tộc là "sợi chỉ đỏ" xuyên suốt trong lịch sử hiện đại Việt Nam? Hàng triệu người Việt đã hy sinh vì độc lập dân tộc trong thế kỷ 20. Dưới khẩu hiệu "Không có gì quý hơn độc lập tự do," hay "Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa", người Việt đã chiến đấu gần như liên tục trong gần nửa thế kỷ với người Nhật, người Pháp, người Mỹ, người Trung Hoa, người Cam Bốt, và với cả đồng bào khác ý thức hệ của mình.

Nhưng đó là lịch sử. Nếu hỏi chủ nghĩa dân tộc có quan trọng trong lúc này—khi chúng ta bước qua thập kỷ thứ hai của thế kỷ 21—câu trả lời có thể dẫn đến bất đồng sâu sắc. Nhiều thanh niên và trí thức bức xúc và phản kháng công khai những hành vi lấn lướt của Trung Quốc trên Biển Đông trong thời gian gần đây—một biểu hiện rõ rệt của chủ nghĩa dân tộc. Nhìn từ phía chính quyền, sự phản kháng đó "thiếu ý thức" và có thể "bị các thế lực nước ngoài lợi dụng." Nhưng ai "thiếu ý thức" và ai "bị các thế lực nước ngoài lợi dụng" là điều không phải chúng ta có thể dễ dàng nhất trí.

talawas không né tránh các chủ đề gai góc—một việc làm đáng khen ngợi. Và các tài liệu cũng như bài viết trong số này không có ý định tỏ bày một tuyên ngôn hay cung cấp kết luận cho bạn đọc, mà chỉ hy vọng mở ra một số vấn đề thảo luận từ góc cạnh lý thuyết và tư liệu để giải thích cả những biến cố lịch sử lẫn những câu hỏi đương đại.

Chủ nghĩa dân tộc (cũ) và sứ mệnh giải phóng

Lý thuyết về chủ nghĩa dân tộc rộng lớn và phức tạp - như bài tổng quan của Lê Hải trình bày. Phần lớn các nghiên cứu của phương Tây, như tác phẩm của Benedict Anderson, quan tâm đến nguồn gốc của chủ nghĩa này như một luồng tư tưởng và phong trào chính trị thoát thai từ "xã hội truyền thống" và trở thành một khối sức mạnh khổng lồ trong "xã hội hiện đại". Câu hỏi đặt ra là: Nguyên nhân nào khiến người ta chuyển lòng trung thành với vua chúa thành niềm tin vào sự hiện hữu và giá trị của một cộng đồng [tưởng tượng là] có chung một ngôn ngữ, lịch sử hay văn hoá? Cách đặt vấn đề này sâu sắc nhưng có thể bị chỉ trích ở hai khía cạnh. Một là sự tuyệt đối hoá khái niệm dân tộc, khi trong thực tế tinh thần dân tộc ít khi tồn tại ở dạng thuần khiết, mà pha lẫn với những yếu tố khác cấu thành bản sắc của mỗi cá nhân và cộng đồng, ví dụ như tôn giáo, ý thức hệ, giới tính, lịch sử, và văn hoá địa phương—đây là những yếu tố khó có thể cắt nghĩa bằng cặp phạm trù "truyền thống-hiện đại" [Xem bài của Charles Keith, Christopher Goscha và George Orwell về tính phức tạp của tinh thần dân tộc ở Việt Nam và ở Anh]. Người Việt Nam theo đạo Thiên Chúa có tinh thần dân tộc không? Đối với người cộng sản ở Anh hay ở Việt Nam, Liên Xô có phải là tổ quốc của họ không? Dưới thời Pháp thuộc, người Việt tự coi mình là người An Nam hay người Đông Dương?

Nhưng chủ nghĩa dân tộc không chỉ là một niềm tin mà còn là một phong trào chính trị. Đây là chỗ yếu thứ hai của nhiều lý thuyết gia khi họ phân tích chủ nghĩa dân tộc mà chỉ chú trọng đến những biến chuyển xã hội rộng lớn (ví dụ Anderson và Ernest Gellner). Trong sách của họ thiếu vắng những nhân vật chính trị và đám đông quần chúng sẵn sàng bắn giết hay hy sinh theo lời kêu gọi của lãnh tụ. Có lẽ vì thiếu chú ý đến yếu tố chính trị, họ có xu hướng xem chủ nghĩa dân tộc như một trào lưu tích cực có tính giải phóng con người. Họ không sai: chúng ta biết tư tưởng dân tộc đã góp phần thay đổi xã hội châu Âu từ phong kiến cát cứ thành nhà nước công dân. Phong trào giải phóng dân tộc đem đến tự trị ở hầu hết các nước Á Phi sau Thế chiến thứ hai. Nhưng tư tưởng dân tộc bành trướng ở châu Âu cũng dẫn đến việc xâm chiếm và nô dịch các dân tộc thuộc địa. Thế chiến thứ hai cũng chứng kiến việc Đức Quốc Xã tàn sát người Do Thái và việc Liên Xô cưỡng chiếm Ba Lan—cả hai đều nhân danh quốc gia hay chủng tộc

[Xem bài của George Orwell—nhà văn Anh nổi tiếng với các tác phẩm châm biếm chế độ toàn trị cộng sản—về quan niệm cho rằng mọi chủ nghĩa dân tộc "gắn liền với dục vọng quyền lực"]. Phong trào giải phóng dân tộc trong hầu hết các trường hợp cũng không đem đến tự do vì chỉ thay thế các viên Toàn quyền châu Âu bằng những bạo chúa người bản xứ. Ở châu Á, phong trào này mới ra đời thì bị lái vào cuộc tranh đua giữa hai khối Tự do và Cộng sản [Xem bài của Vũ Tường sử dụng tư liệu mới giải thích bối cảnh chính trị năm 1948 khi phong trào dân tộc Việt Nam bị những người cộng sản lái sang con đường đấu tranh giai cấp và nội chiến]. Kết quả là ở nhiều nơi quyền lợi của dân tộc bị hy sinh cho quyền lợi của phe nhóm.

Dù chúng ta ủng hộ hay chỉ trích chủ nghĩa dân tộc, một điều hiển nhiên là phong trào dân tộc chủ nghĩa ra đời cùng lúc với sự hình thành hệ thống nhà nước trên toàn thế giới. Gọi chủ nghĩa dân tộc là chủ nghĩa quốc gia không sai: mỗi dân tộc có quyền—theo chủ nghĩa này—đòi hỏi một quốc gia bao gồm lãnh thổ và chính quyền của riêng mình. Nhưng với thời gian, khi các đế quốc lớn đã tan rã, khi tất cả các dân tộc lớn đã có nhà nước riêng, khi biên giới quốc gia đã trở nên khó thay đổi, và khi dân chúng đã chán ngán việc chém giết, phong trào giải phóng dân tộc đang mất dần tính cấp thiết của nó. Ở châu Á chẳng hạn, các phong trào đòi tự trị mang tính dân tộc vẫn dai dẳng ở Tây Tạng, Tân Cương, miền nam Thái Lan, tỉnh Papua của Indonesia, hay ở cộng đồng Tamil tại Sri Lanka. Nhưng các phong trào này không có khả năng lôi cuốn hàng triệu người như trong thế kỷ trước. Cái chủ nghĩa dân tộc làm mưa làm gió một thời trên vũ đài thế giới trong suốt 200 năm kể từ Cách mạng Pháp đã chuyển vào những vùng biên địa, chỉ còn khuấy động những dân tộc thiểu số [Xem bài của Nghê Hiểu Hà, một tác giả Trung Quốc có quan điểm giống chính phủ Việt Nam về "chủ nghĩa ly khai" ở Tây Nguyên].

Chủ nghĩa dân tộc (mới) và nguyên nhân ra đời

Nhưng nếu "sợ chỉ đỏ" đã phai màu, chúng ta giải thích thế nào về những biểu hiện chống Trung Quốc ở Việt Nam gần đây? Không chỉ ở Việt Nam, mà những biểu hiện thậm chí mạnh mẽ hơn đã xuất hiện trong 10 năm qua ở Trung Quốc (chủ yếu nhắm vào Mỹ và Nhật), ở Hàn Quốc (nhắm vào Mỹ và Nhật), ở Cam Bốt (nhắm vào Việt Nam và Thái Lan), ở Indonesia (nhắm vào Singapore, Úc và Mỹ) [Xem bài của Sophal Ear và Kenneth So về quan hệ Cam Bốt - Việt Nam, và bài của Thân Tú Long, một tác giả Trung Quốc phê phán "chủ nghĩa bành trướng" của Lê Duẩn]. Sự trỗi dậy của tinh thần dân tộc này chứng tỏ các lý thuyết gia "phái hiện đại hoá" (ví dụ: Gellner, Anderson và Hobbawms) phạm sai lầm khi tiếp cận chủ nghĩa dân tộc như một hiện tượng lịch sử độc nhất vô nhị gắn với bước chuyển từ xã hội truyền thống sang hiện đại. Cách tiếp cận này đã làm giảm nhẹ vai trò của tinh thần dân tộc trường tồn trong nhiều cộng đồng. Trong những cộng đồng "già" như người Hán, người Việt hay người Khmer, tinh thần dân tộc đã hiện hữu trước khi phong trào dân tộc chủ nghĩa hiện đại ra đời với Cách mạng Pháp. Tinh thần này làm cho phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở những cộng đồng này mãnh liệt hơn so với phong trào ở những cộng đồng khác. Tinh thần này vẫn tồn tại sau khi phong trào này đã lắng xuống từ thập niên 70 của thế kỷ trước. Ngay cả ở châu Âu và Mỹ, tinh thần này có thể ngủ yên nhưng không mất đi sau khi đã có nhà nước độc lập [Xem bài của Jerry Muller về sự quan trọng của chủ nghĩa dân tộc ở châu Âu và Mỹ trong thế kỷ vừa qua và trong tương lai].

Trong bối cảnh thế giới mới, niềm tin vào cộng đồng dân tộc không thay đổi về cơ bản—mặc dù biên giới mỗi cộng đồng vẫn tiếp tục thay đổi và mỗi đe dọa đối với từng cộng đồng biến thiên theo thời gian. Thứ xét Việt Nam: Hàng triệu người Việt đã di tản sang phương Tây; hàng chục ngàn công nhân sinh viên Việt đã sống và làm việc ở nước ngoài; hàng ngàn thiếu nữ Việt đã lấy chồng ngoại; hàng chục ngàn người ngoại quốc đang sống ở Việt Nam. Cọ xát văn hoá và chủng tộc sẽ tiếp tục buộc người Việt phải đối mặt với vấn đề bản sắc dân tộc.

Nhưng từ góc độ một phong trào chính trị, những biểu hiện tinh thần dân tộc gần đây ở Á châu phải được xem là biểu hiện của một phong trào dân tộc mới khác với phong trào đòi độc lập dân tộc của thế kỷ trước. Có ba nguyên nhân chính tạo ra phong trào mới này.

Thứ nhất, sự trỗi dậy gần như đồng loạt của chủ nghĩa dân tộc mới ở Đông và Đông Nam Á từ đầu thập niên 1990 đến nay khiến nhiều sử gia [ví dụ Sheila Miyoshi Jager] cho rằng phong trào này có liên quan đến việc Chiến tranh Lạnh chấm dứt. Chúng ta biết Chiến tranh Lạnh thực chất là việc chia thế giới thành hai khối đối chọi nhau: khối Tự do và khối Cộng sản. Ở khu vực châu Á, khối Tự do bao gồm Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan, Philippines, Việt Nam Cộng hoà (cho đến 1975), Thái Lan, Singapore, và Malaysia. Khối Cộng sản bao gồm Bắc Triều Tiên, Trung Quốc, Afghanistan (1978-1989), Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Lào, và Cam Bốt (Khmer Đỏ, 1975-1979; do Việt Nam cai trị, 1979-1989). Indonesia không hoàn toàn theo khối nào nhưng dưới thời Tổng thống Suharto (1966-1998) ngả về phía khối Tự do. Còn Burma/Myanmar theo đường lối tự cô lập.

Khi còn Chiến tranh Lạnh, chủ nghĩa dân tộc bị hai chủ nghĩa kia (chủ nghĩa Tự do và chủ nghĩa Cộng sản) kiềm chế. Các chế độ cầm quyền ở châu Á dốc sức tuyên truyền cho hai chủ nghĩa ngoại lai. Họ phát động "thi đua yêu nước" nếu yêu nước được hiểu là "yêu chủ nghĩa xã hội, chống đế quốc Mỹ và tay sai bán nước" (ở khối Cộng sản), hay "chống cộng sản khát máu tay sai của Đế quốc Đỏ Nga Xô" (ở khối Tự do) [Xem bài của Trần Anh về chủ nghĩa quốc gia dưới chế độ Ngô Đình Diệm thời Việt Nam Cộng hoà]. Họ đàn áp những người yêu nước theo chủ nghĩa dân tộc thuần tuý—kiểu Trịnh Công Sơn phản đối việc người Việt bắn giết lẫn nhau vì ý thức hệ, hay kiểu những sinh viên Hàn Quốc đòi quân đội Mỹ triệt thoái khỏi bán đảo Triều Tiên và Hàn Quốc thống nhất với Bắc Triều Tiên.

Khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, với sự tan rã của khối xã hội chủ nghĩa, các nước cộng sản ở châu Á (trừ Bắc Triều Tiên) nếu không sụp đổ thì phải quay sang ve vãn tư bản phương Tây để khỏi sụp đổ. Các nước khối Tự do không còn sợ "cộng sản xâm lăng," cũng muốn ve vãn các chế độ cộng sản để tìm nguồn công nhân rẻ và dễ bóc lột (vì ở các nước cộng sản mức sống rất thấp và không có công đoàn độc lập bảo vệ quyền lợi công nhân). Nhiều lãnh tụ cộng sản Trung Quốc và Việt Nam vẫn tin vào chủ nghĩa Mác-Lê, nhưng sự sụp đổ quá bất ngờ của cả khối Xô viết khiến họ choáng váng mất nhiều năm. Hơn nữa, họ khó mở mồm huênh hoang về tương lai của chủ nghĩa xã hội khi đang "ôm chân đế quốc" nhằm duy trì quyền lợi chính trị và kinh tế cho chế độ. Dân chúng và trí thức cũng không còn thiết tha với ý thức hệ—ngược lại, trí tưởng tượng của họ hướng đến những cộng đồng chính trị dựa trên những mối liên hệ khác, trong đó nổi bật là dân tộc và tôn giáo. Phong trào dân tộc mới vì vậy có nguồn gốc một phần từ sự thay đổi trật tự thế giới.

Nguyên nhân thứ hai của phong trào dân tộc mới ở châu Á là sự phát triển mạnh mẽ của Trung Quốc trong ba thập kỷ vừa qua. Dù Trung Quốc luôn mồm chủ trương "trỗi dậy hoà bình", sự phát triển này gây lo ngại không chỉ cho siêu cường Mỹ mà cho các lân bang của Trung Quốc. Những lân bang yếu hơn của Trung Quốc như các nước Đông Nam Á và Úc lại càng lo ngại—đặc biệt là khi Trung Quốc đã có nhiều cử chỉ bá quyền nước lớn trên biển và trên trường ngoại giao quốc tế. Trung Quốc vẫn có nhiều "láng giềng hữu nghị" như Bắc Triều Tiên, Việt Nam, Cam Bốt, Myanmar và Singapore, giúp cho phong trào bài Trung Quốc không đến nỗi lan rộng. Nhưng cả ở những nơi này, những biểu hiện dân tộc chống Trung Quốc cũng diễn ra ngấm ngấm như ở Singapore hay Việt Nam.

Tự do hoá chính trị là nguyên nhân thứ ba tạo ra phong trào dân tộc mới. Ở Hàn Quốc, Đài Loan và Indonesia, dân chủ đã chiến thắng độc tài. Sự tham gia rộng rãi của quần chúng vào vận động chính trị buộc nền chính trị phải thể hiện phần nào ước muốn của họ. Ở Hàn Quốc, đó là ước muốn thống nhất và bớt lệ thuộc vào Mỹ. Ở Đài Loan, ước muốn đó là một đảo quốc độc lập tách rời khỏi Trung Quốc do người bản xứ Đài loan, không phải di dân từ Trung Hoa lục địa, cầm quyền. Ở Indonesia, đó là ước muốn phát triển đạo Hồi và ủng hộ các dân tộc đạo Hồi được xem là bị các nước Tây phương áp bức. Mặc dù ước muốn của cử tri không thống nhất và cố định (sự kiện đảng bảo thủ của Tổng thống Lee Myung-bak thắng cử ở Hàn Quốc, Quốc dân Đảng của Tổng thống Mã Anh Cửu thắng cử ở Đài Loan, và các đảng Hồi giáo thu được ít ủng hộ ở Indonesia gần đây), phong trào dân tộc vẫn âm ỉ.

Ở Thái Lan và Cam Bốt là những chế độ nửa dân chủ nửa độc tài, tự do hoá chính trị cũng dẫn đến những biểu hiện của phong trào dân tộc mới. Cựu Thủ tướng Thaksin của Thái Lan thắng cử năm 2002 một phần nhờ lập trường chống Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF). Đảng của Thaksin lập ra có một cái tên rất

yêu nước: Thai Rak Thai (người Thái yêu người Thái). Các cuộc biểu tình gần đây ở Cam Bốt phản đối Việt Nam và Thái Lan cũng nằm trong xu hướng quần chúng tự phát này.

Ở hai nước cộng sản đang "đổi mới" là Trung Quốc và Việt Nam, quá trình tự do hoá chính trị gắn với quá trình đổi mới kinh tế từ bao cấp sang thị trường. Sự ra đời của kinh tế hàng hoá tự do nằm ngoài bàn tay của Nhà nước dẫn đến sự phát triển tự phát của tầng lớp tư sản và trí thức có vị trí độc lập tương đối. Mặc dù Nhà nước cố gắng tăng cường kiểm soát, bản chất một nền kinh tế thị trường là phức tạp không thể dễ dàng thống trị. Các hiện tượng bột phát của tinh thần dân tộc chống Mỹ (ở Trung Quốc) và chống Trung Quốc (ở Việt Nam) nói lên điều này.

Giải giáp, giải độc, và giải hoà

Như vậy việc Chiến tranh Lạnh chấm dứt, Trung Quốc trỗi dậy, và chính trị được tự do hoá là ba nguyên nhân dẫn đến phong trào dân tộc mới ở châu Á gần đây. Phong trào dân tộc mới rõ ràng không phải một vài hiện tượng đơn lẻ, hay do một vài thế lực "quá khích" hay "phản động" bày ra, hay là "âm mưu diễn biến hoà bình của Đế quốc Mỹ", mà có nguyên nhân trong những thay đổi chính trị ở quốc tế, khu vực, và trong từng nước châu Á. Vấn đề là: phong trào dân tộc mới có mục tiêu gì và quan trọng ra sao?

Đầu tiên, nói Chiến tranh Lạnh chấm dứt là nói ở phạm vi toàn cầu. Không phải các liên minh quân sự--ý thức hệ đã dễ dàng tan rã ở tất cả các nước. Hãy nói về quân sự trước. Ở các nước tư bản như Nhật, Hàn Quốc và Đài Loan, Chiến tranh Lạnh chưa hẳn đã kết thúc và quá trình giải giáp chưa thực sự bắt đầu với sự trỗi dậy của Trung Quốc và mối đe dọa từ Bắc Triều Tiên. Nhật, Hàn Quốc và Đài Loan đều mong được Mỹ tiếp tục bảo vệ về quân sự khi Trung Quốc đang hiện đại hoá quân đội và Bắc Triều Tiên cố gắng chế tạo vũ khí hạt nhân. Tình hình ở Thái Lan, Malaysia và Singapore hơi khác. Trong giai đoạn Việt Nam chiếm đóng Cam Bốt, các nước ASEAN đã liên kết với Mỹ và Trung Quốc để bao vây, cô lập Việt Nam. Sau hàng loạt sự kiện cuối thập niên 1980 (Liên Xô và khối Đông Âu sụp đổ, Việt Nam rút quân khỏi Cam Bốt, các Đảng Cộng sản Malaysia và Thái Lan quy hàng chính phủ sau khi bị Trung Quốc và Việt Nam bỏ rơi), Việt Nam nói riêng và chủ nghĩa cộng sản nói chung không còn là mối đe dọa thường trực nữa. Do đó, các chính phủ này ít cần Mỹ hơn.

Trong các nước cộng sản, Trung Quốc có vị trí thuận lợi nhất khi Chiến tranh Lạnh chấm dứt. Cải cách kinh tế và quan hệ với phương Tây đã bắt đầu được một thập kỷ. Bắc Kinh có hai kẻ thù quan trọng là Liên Xô và Việt Nam, thì Liên Xô bị sụp đổ, làm cho Việt Nam không còn đáng để lo ngại nữa. Sự kiện Thiên An Môn làm cho quan hệ Trung Quốc với phương Tây căng thẳng trong một thời gian—đây chính là thời điểm khi Trung Quốc mềm dẻo hơn với Việt Nam và chấp nhận giải quyết vấn đề Cam Bốt cũng như khôi phục quan hệ với Đông Nam Á. Khác với Trung Quốc, cải cách kinh tế ở Việt Nam vừa mới bắt đầu khi trục Moscow-Hà Nội-Nam Vang tan vỡ. Do hoang mang sợ hãi, Việt Nam đã tìm sự che chở của Trung Quốc là đồng minh quân sự và ý thức hệ cũ. Mặc dù trên thế giới nhiều người nghĩ đến Việt Nam như một biểu tượng của "độc lập", Việt Nam có chủ quyền nhưng chưa bao giờ thực sự là một quốc gia độc lập. Chế độ thuộc địa được thay thế sau năm 1954/1975 bằng sự lệ thuộc nặng nề cả về ý thức hệ lẫn quân sự vào khối Xô Viết.¹ Các cuộc tấn công can thiệp của Mỹ vào Panama (1989), Iraq (1991), Kosovo (1999), Afghanistan (2001) và Iraq (2003) làm cho Hà Nội càng bám chặt Bắc Kinh hơn vì sợ bị Mỹ đánh.

Nhưng quân sự không quyết định tất cả, đặc biệt là ở các nước cộng sản. Ở Trung Quốc và Việt Nam, chế độ đã dựa quá nhiều vào nền tảng ý thức hệ nên việc từ bỏ nó thật khó khăn. Trung Quốc gặp ít khó khăn hơn Việt Nam vì cuộc Cách mạng Văn hoá khủng khiếp đã làm xói mòn lòng tin vào Mao và ý thức hệ cộng sản. Nhưng ở cả hai nước, việc thừa nhận đã chọn con đường sai lầm rất khó, vì lấy gì để biện

¹ Sự lệ thuộc này không hoàn toàn do Liên Xô hay Trung Quốc áp đặt lên Việt Nam, mà do lãnh đạo Việt Nam sùng bái "chủ nghĩa xã hội" như một thứ tôn giáo, có tham vọng thu tóm quyền lực tuyệt đối để thi hành "chủ nghĩa xã hội" trên toàn cõi Việt Nam (thậm chí cả ở Lào và Cam Bốt nếu điều kiện cho phép), và tự buộc chặt số phận dân tộc mình vào khối Xô Viết để có thể thực hiện đến cùng tham vọng đó. Khi Khối này sụp đổ, Việt Nam tự nhiên bơ vơ không nơi nương tựa trong khi kẻ thù từ "Đế Quốc Mỹ sùng sỏ" cho đến các "chư hầu" vây kín chung quanh.

minh cho sự hy sinh của hàng triệu người trong ngần ấy năm, lấy ai để đứng ra nhận trách nhiệm? Các nước tư bản không gặp vấn đề này vì đường lối lựa chọn của họ đúng (hơn phe cộng sản), dẫn đến sự chiến thắng của khối Tự do trong Chiến tranh Lạnh.

Dân chúng và cả giới trí thức cũng không dễ gì "chia tay với ý thức hệ" (ông Hà Sĩ Phu có lẽ là ngoại lệ?). Sau bao nhiêu năm bị nhồi sọ lòng căm thù và ghê tởm đế quốc, không phải một sớm một chiều người Trung Quốc và Việt Nam có thể thay đổi. Ở Trung Quốc và Việt Nam, ý thức hệ có sức sống dai dẳng hơn ở các nước tư bản trong khu vực. Lý do chính là việc nhồi sọ ở các nước này được tiến hành bài bản hơn và việc kiểm soát trí thức cũng như thông tin được chặt chẽ hơn. Tuyên truyền cho ý thức hệ được đưa vào chương trình từ lớp một và học sinh không có chọn lựa nào khác (ví dụ: trường tư hay sách giáo khoa tư nhân). Với phương pháp "chỉnh phong" do Mao và đồng chí phát minh ra ở Diên An sau đó được áp dụng rộng rãi ở Trung Quốc và xuất khẩu sang Việt Nam, trí thức Trung Quốc và Việt Nam được nhào nặn thành tròn trịa. Họ tha hồ mơ tưởng "bay theo đường dân tộc đang bay" (Chế Lan Viên) nhưng thực chất chỉ là công cụ phục vụ đắc lực cho tham vọng của Đảng cầm quyền.² Vì bị bưng bít thông tin, không chỉ dân chúng mà thậm chí giới trí thức biết rất ít về thế giới bên ngoài phe xã hội chủ nghĩa. Do đó, ở Trung Quốc và Việt Nam, giải độc ý thức hệ mất nhiều thời gian hơn.

Có thể nói phong trào dân tộc mới đang tấn công vào những tàn tích của liên minh ý thức hệ còn sót lại—những thành lũy cuối cùng của Chiến tranh Lạnh, những bức tường Bá Linh ở châu Á. Chủ trương nổi lại quan hệ Nam-Bắc tiến đến thống nhất của chính phủ Kim Dae-jung và Roh Mo-hyun của Hàn Quốc đã dẫn đến phản ứng bất bình ở Washington và những lời kêu gọi của chính khách Mỹ đòi chính phủ Mỹ rút quân ở Hàn Quốc. Chính phủ mới của Nhật dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Yukio Hatoyama (Đảng Dân chủ) khi còn tranh cử đã có lập trường không thân thiện với Mỹ và rất có thể sẽ làm xấu đi quan hệ Mỹ-Nhật trong tương lai. Cựu Tổng thống Trần Thủy Biển của Đài Loan đã làm cả Bắc Kinh lẫn Washington lo sợ vì những lời tuyên bố hay chính sách hướng đến độc lập cho Đài Loan. Quan hệ giữa Indonesia với Úc hay Mỹ đều gặp trắc trở trong những năm gần đây vì dư luận và những cuộc biểu tình rầm rộ chống Úc và Mỹ trên đường phố Jakarta. Chúng ta đã thấy trí thức và sinh viên ở Việt Nam đang buộc chính phủ nước này phải có lập trường cứng rắn hơn đối với Trung Quốc.

Phong trào dân tộc mới không dẫn đến những cuộc chiến đẫm máu như phong trào đòi độc lập của thế kỷ trước, nhưng nó đang thúc đẩy quá trình hình thành một trật tự khu vực mới ở Á châu. Trong trật tự mới này, quyền lực không tập trung mà có xu hướng phân bố ra nhiều cực. Lấy ví dụ hai mầm xung đột lớn đã có từ lâu vẫn tiếp tục đe dọa hoà bình khu vực là Hàn Quốc-Bắc Triều Tiên và Trung Quốc-Đài Loan. Trong trật tự mới này, ngay cả những xung đột sinh tử này sẽ có nhiều tính chất đa phương hơn trong đó các nước lớn không đóng vai trò chủ chốt như thời Chiến tranh Lạnh. Xu hướng này còn rõ hơn đối với những xung đột về lãnh thổ như quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Hơn nữa, trong hai thập kỷ vừa qua, các tổ chức đa phương ở khu vực đã phát triển nhiều, và chúng ta có thể hy vọng những tổ chức này đóng một vai trò nhất định trong việc hoá giải các tranh chấp dẫn đến bớt đổ máu.

Nhưng liệu phong trào dân tộc mới có cản trở được sự trỗi dậy của Trung Quốc như cường quốc số một của châu Á? Đây là một câu hỏi quan trọng nhưng không có câu trả lời rõ ràng. Ở Trung Quốc, những biểu hiện của phong trào này (bài Mỹ, Nhật và thống nhất với Đài Loan) sẽ gây lo ngại cho Mỹ, Nhật, Ấn Độ và Đài Loan. Ở các nước lân bang của Trung Quốc, phong trào dân tộc mới sẽ hướng về Trung Quốc như một mối đe dọa. Nhưng Trung Quốc sẽ vẫn có đồng minh hoặc bạn bè là các chế độ ở Myanmar, Việt Nam, Thái Lan, Singapore và Cam Bốt. Cán cân có vẻ chống lại Trung Quốc nhưng không phải hoàn toàn bất lợi cho Bắc Kinh. Với thị trường lớn và có nhiều tiền đem ra nước ngoài đầu tư, Trung Quốc vẫn

² Trong khi đó, ở Hàn Quốc, Việt Nam Cộng hoà, Thái Lan và Philippines trong những năm 1960 vẫn có biểu tình chống Mỹ. Phái Mác xít có khả năng tin đỡ trong những sử gia trí thức Nhật, nơi Đảng Cộng sản được công khai hoạt động. Các trí thức Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan hay Thái Lan được đào tạo tại Mỹ hay tại Tây Âu (nhiều người trong số họ du học bằng học bổng chính phủ) tha hồ tiếp cận các luồng tư tưởng khác nhau. Trên thực tế, nhiều lãnh tụ của phong trào chống Mỹ ở Philippines, Thái Lan hay Indonesia được học hành ở phương Tây và tiếp thu những tư tưởng thiên tả ở đó (như trước kia Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Lê Nin lúc ở Pháp).

có khả năng thêm nhiều bạn (Bangladesh, Philippines, Indonesia, Úc, Hàn Quốc, thậm chí Đài Loan) đủ để cân bằng với Mỹ, Nhật và Ấn Độ.

Sự trỗi dậy của Trung Quốc còn tùy thuộc vào việc phong trào dân tộc mới có dẫn đến dân chủ hoá ở Á châu hay không, nhưng cũng không có câu trả lời chắc chắn cho câu hỏi này. Chúng ta đã thấy quá trình tự do hoá chính trị đã dẫn đến phong trào dân tộc mới ra đời. Ở một số nước như Hàn Quốc, Đài Loan và Indonesia, phong trào này giúp nền dân chủ mới tiếp tục được củng cố qua hai quá trình. Một là quá trình vận động dân chúng tham gia chính trị qua các tổ chức đảng phái hay qua việc bỏ phiếu. Hai là phong trào cung cấp môi trường rèn luyện cho các chính trị gia đối lập. Ở những nước vẫn còn độc tài, phong trào dân tộc mới liên kết các lực lượng đối lập và thúc đẩy quá trình giải độc ý thức hệ, giúp trí thức cắt đứt sự lệ thuộc và thói quen sợ hãi chính quyền. Nhưng phong trào này không đủ để dẫn đến dân chủ hoá. Các chế độ ở Trung Quốc và Việt Nam có lực lượng quân đội và công an đủ để đàn áp đối lập. Mặc dù giới trí thức đã được giải độc, phong trào cần có sự tham gia của đông đảo dân chúng, sự bất đồng sâu sắc trong hàng ngũ lãnh đạo, hay tác động bên ngoài để dẫn đến dân chủ hoá. Cũng có khả năng Đảng Cộng sản Trung Quốc và Việt Nam sử dụng phong trào dân tộc để tăng cường sự lãnh đạo của họ--như đã từng xảy ra trong lịch sử và có thể tái diễn.

Một đóng góp tích cực của phong trào dân tộc mới là việc thúc đẩy quá trình giải hoà giữa các nhóm trong cùng một dân tộc bị chia rẽ vì ý thức hệ trong Chiến tranh Lạnh. Khi máy bay Mỹ ném bom (nhằm?) vào Toà Đại sứ Trung Quốc ở Belgrade vào năm 1999, không chỉ người dân Trung Quốc mà Hoa kiều ở các nước khác cũng tham gia biểu tình phản đối chính phủ Mỹ. Khi chính phủ Việt Nam để Trung Quốc lấn lướt ở biển Đông, không chỉ trí thức trong nước Việt Nam mà cả Việt kiều (bình thường không "yêu nước") cũng tham gia phản đối. Ở Hàn Quốc, Tổng thống Kim Dae Jung và Roh Moo-hyun đã thay đổi rất nhiều cách người Hàn Quốc suy nghĩ về người anh em Bắc Triều Tiên.

Nhưng giải hoà trong nội bộ dân tộc xây dựng trên chủ nghĩa dân tộc không phải là một điều hoàn toàn tốt đẹp (giải hoà xây dựng trên cơ sở tha thứ nhau về những hận thù trong quá khứ mới tốt). Giải hoà xây dựng trên chủ nghĩa dân tộc nghĩa là lòng thù hận thay vì hướng về nhau, được (tạm thời?) chuyển sang một "kẻ thù chung của dân tộc". Giải hoà trong nội bộ dân tộc có thể dẫn đến hận thù mới giữa các dân tộc. Phong trào dân tộc mới ở Trung Hoa lục địa sẽ làm cho việc chính quyền Trung Quốc nhượng với Đài Loan hay Tây Tạng khó khăn hơn. Phong trào dân tộc mới ở Đài Loan cũng gây ra căng thẳng giữa những người muốn Đài Loan độc lập và những người xem Đài Loan là một phần của Trung Quốc. Phong trào dân tộc mới đã dẫn đến căng thẳng quân sự giữa Thái Lan và Cam Bốt, và có thể dẫn đến chiến tranh giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Chúng ta có thể kết luận ở đây. Cũng như tất cả mọi phong trào chính trị, cái tích cực và tiêu cực đan xen nhau trong phong trào dân tộc cũ và mới. Phong trào dân tộc mới có sức mạnh tiềm tàng tạo ra những thay đổi trong khu vực mang tính chất cả hoà hoãn lẫn xung đột. Khác với phong trào dân tộc cũ, phong trào mới không có sứ mệnh giải phóng mà làm nhiệm vụ giải độc ý thức hệ và giải hoà trong nội bộ các dân tộc bị chia rẽ trong quá khứ. Cách đây một thế kỷ, phong trào dân tộc cũ đã đem đến cho dân các xứ thuộc địa nhiều hy vọng được giải phóng, nhưng chúng ta đã thấy kết quả khá khiêm tốn trong khi xương máu đổ ra không phải ít. Chúng ta còn phải chờ xem liệu phong trào dân tộc mới ở châu Á có mang đến giải độc và giải hoà trong hoà bình không.